

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1730/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020”.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hành động Quốc gia về việc “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương Kế hoạch hành động “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020” (sau đây gọi tắt là REDD+);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 73/TTr-SNN&PTNT ngày 29/4/2016 về việc Đề nghị phê duyệt Kế hoạch hành động “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020” gửi kèm theo góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1409/SKHĐT-QH ngày 22/4/2016; Sở Tài chính tại Công văn số 1489/STC-QLNS.TTK ngày 20/4/2016; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn 1553/STNMT-BVMT ngày 20/4/2016; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 22/4/2016; Viện Sinh thái rừng và Môi trường tại Công văn số 207/VST&MT-QLKH ngày 18/4/2016; Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp tại Công văn số 05/CV-HLN ngày 15/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài

nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020”, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng thể:

Giảm 30% lượng phát thải khí nhà kính từ mất rừng và suy thoái rừng (tương ứng giảm 2.000 ha rừng bị mất, 3.850 ha rừng bị suy thoái) và nâng cao trữ lượng các bon rừng rừng hàng năm đạt 2.600.433 tấn CO₂ trong giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế tham gia vào công tác bảo vệ phát triển rừng ở các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển rừng bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Năm 2016: Xây dựng hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện giảm phát thải từ mất rừng, suy thoái rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng; nâng cao năng lực tiếp cận và triển khai các hoạt động của REDD+. Thiết lập mức phát thải cơ sở; nâng cấp hệ thống theo dõi diễn biến rừng, xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội; xây dựng cơ chế quản lý tài chính REDD+ và kế hoạch thực hiện các hoạt động REDD+ ở tỉnh.

b) Giai đoạn 2017-2020: Đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả triển khai thực hiện các hoạt động REDD+ trong năm 2016. Chính sửa và hoàn thiện mức phát thải các bon cơ sở ở cấp tỉnh; tiếp tục nâng cao hệ thống theo dõi diễn biến rừng; lồng ghép kế hoạch hành động REDD+ vào kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng để nâng cao độ che phủ của rừng, giảm tổng lượng phát thải các bon hàng năm. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, cơ cấu tổ chức và năng lực kỹ thuật để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của tỉnh có hiệu quả.

2. Phạm vi thực hiện:

Trên địa bàn 124 xã tại 14 huyện trên địa bàn tỉnh (Mường Lát 8 xã; Quan Hóa 15 xã; Quan Sơn 11 xã; Lang Chánh 10 xã; Bá Thước 19 xã; Thường Xuân 13 xã; Như Xuân 14 xã; Như Thanh 7 xã; Cẩm Thủy 11 xã; Ngọc Lặc 7 xã; Nga Sơn 1 xã; Hậu Lộc 1 xã; Thọ Xuân 2 xã; Thạch Thành 5 xã).

3. Nội dung của kế hoạch:

3.1. Hoàn thiện cơ chế điều phối, quản lý, vận hành và thực hiện kế hoạch ở quy mô toàn tỉnh, phù hợp với chương trình hành động Quốc gia về REDD+:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thực hiện REDD+.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, cơ cấu tổ chức và năng lực kỹ thuật để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của tỉnh có hiệu quả.
- Hoàn thiện một số nội dung kỹ thuật liên quan đến REDD+: Mức phát thải các bon cấp tỉnh; cơ chế quản lý sử dụng tài chính; xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội.

3.2. Nâng cao năng lực, nhận thức; tiếp cận và triển khai các hoạt động REDD cho cán bộ và người dân:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tham gia REDD+.

- Tập huấn kỹ thuật về REDD+, đối tượng là cán bộ quản lý lâm nghiệp của tỉnh, huyện, xã, các chủ rừng, đại diện cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số.

3.3. Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp:

- Điều chỉnh lại quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững có hiệu quả.

- Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch vùng trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng phòng hộ; điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy điện trên địa bàn tỉnh theo hướng đưa ra khỏi quy hoạch những dự án nhỏ hiệu quả thấp, những dự án chiếm nhiều diện tích rừng, đất rừng, ảnh hưởng nhiều đến môi trường sinh thái.

3.4. Điều chỉnh, cập nhật và nâng cấp hệ thống theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với mục tiêu REDD+:

- Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia hệ thống theo dõi diễn biến rừng để đáp ứng yêu cầu REDD+.

- Bổ sung một số hoạt động: Tổng hợp các thông tin và dữ liệu đầu vào cần thiết để tính toán tổng lượng phát thải/hấp thụ các bon; báo cáo kết quả tính toán tổng lượng phát thải/hấp thụ các bon (02 năm 1 lần).

3.5. Lồng ghép các hoạt động REDD+ trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình, dự án: Dự án Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020; Dự án theo dõi diễn biến rừng giai đoạn 2016-2020; Dự án JICA2. Triển khai xây dựng các mô hình phát triển sinh kế cho người dân sống gần rừng.

3.6. Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững tại các Công ty lâm nghiệp và Ban quản lý rừng phòng hộ.

3.7. Xây dựng hệ thống theo dõi để giải quyết cơ chế khiếu nại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch hành động REDD+.

3.8. Thực hiện thí điểm các hoạt động REDD+ theo dự án “Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam” do Quỹ đối tác các bon Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ.

(Có danh mục các hoạt động chi tiết kèm theo)

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

4.1. Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp:

a) Điều chỉnh lại quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững có hiệu quả, gồm:

- Tổng diện tích đất lâm nghiệp 650.883 ha (trong đó dự kiến quy hoạch rừng đặc dụng 85.643 ha, rừng phòng hộ 162.332 ha, rừng sản xuất 402.908 ha).

- Hạn chế việc quy hoạch chuyển diện tích đất rừng thuộc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng để đáp ứng tốt yêu cầu về phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học; giảm thiểu lượng phát thải các bon khi chuyển đổi rừng tự nhiên sang mục đích phát triển kinh tế xã hội khác.

b) Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp với thực trạng tài nguyên rừng của tỉnh theo Kết quả kiểm kê rừng được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày 24/12/2015.

c) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch vùng trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng phòng hộ theo Kết quả kiểm kê rừng và Quy hoạch 03 loại rừng; rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy điện theo hướng đưa ra khỏi quy hoạch những dự án nhỏ hiệu quả thấp, những dự án chiếm nhiều diện tích rừng, đất rừng, ảnh hưởng nhiều đến môi trường sinh thái.

4.2. Rà soát, hoàn thiện công tác khoán rừng, giao rừng, cho thuê rừng, sử dụng đất lâm nghiệp hỗ trợ việc giảm tác động gây mất rừng và suy thoái rừng:

a) Giao khoán rừng: Ưu tiên khoán rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thiếu đất sản xuất, hộ nghèo; khoán ổn định lâu dài; tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn tài chính từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và nguồn tài chính từ chi trả theo kết quả giảm phát thải các bon.

b) Giao đất, giao rừng: Triển khai giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân; tiếp tục chia các nhóm hộ để người dân tham gia trồng, bảo vệ rừng và hưởng lợi từ rừng.

c) Thuê đất, thuê rừng: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển lâm nghiệp. Doanh nghiệp thuê đất phải cam kết và có trách nhiệm đào tạo nghề cho cộng đồng, thu hút lao động trong quản lý, bảo vệ, trồng rừng, kinh doanh dịch vụ môi trường rừng. Huy động nguồn lực tài chính từ các doanh nghiệp ngoài nhà nước để tổ chức trồng rừng, bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng. Kiên quyết thu hồi đất đối với những doanh nghiệp triển khai dự án chậm; để xảy ra vi phạm pháp luật liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp.

4.3. Triển khai lồng ghép các hoạt động REDD+ trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, dự án có liên quan trên địa bàn tỉnh:

a) Thực hiện các giải pháp lâm sinh:

- Tổ chức khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 5.000 ha/năm tại các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân và Như Xuân.

- Triển khai trồng rừng gỗ lớn trên đất trống 10.000 ha, trồng rừng gỗ lớn sau khai thác trắng 5.000 ha, chuyển đổi rừng trồng gỗ nhỏ sang trồng gỗ lớn 3.500 ha. Thực thi việc bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng tại các nơi có nguy cơ mất rừng, suy thoái rừng cao 125.000 ha/năm.

- Triển khai hoạt động về nâng cấp rừng giống tại Cẩm Thủy

b) Triển khai lồng ghép các hoạt động REDD+ với các chương trình, dự án có liên quan: Lồng ghép hoạt động trồng rừng phòng hộ 2.000 ha của dự án JICA 2; lồng ghép hoạt động In ấn tờ rơi tuyên truyền bảo vệ rừng, tuyên truyền phòng chống cháy rừng cho người dân địa phương tại 30 xã trọng điểm cháy rừng của Dự án phòng cháy chữa cháy rừng giai đoạn 2016-2020 - tỉnh Thanh

Hóa; lồng ghép hoạt động điều tra cập nhật bản đồ hiện trạng rừng, đào tạo cho kiểm lâm 14 huyện ưu tiên về ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát tài nguyên rừng của Dự án theo dõi DBR tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020.

c) Thực hiện các hoạt động hỗ trợ cải thiện sinh kế cho người dân sống gần rừng để giảm các áp lực tiêu cực đến nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng:

- Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Điều tra tiềm năng lâm sản ngoài gỗ, tre luồng và xây dựng các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ như trồng cây được liệu dưới tán rừng: Sa nhân, thảo quả...

- Giảm sử dụng gỗ củi thông qua phát triển các mô hình sử dụng khí sinh học (biogas) trong nấu nướng và chăn nuôi; mô hình sử dụng bếp đun cải tiến.

d) Triển khai các giải pháp về quản lý rừng bền vững: Hỗ trợ kỹ thuật, tài chính để giúp các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ xây dựng và triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

4.4. Kêu gọi các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ ngoài nước và tăng cường hợp tác quốc tế nhằm đa dạng hóa các nguồn lực tài chính:

a) Tranh thủ các nguồn tài trợ quốc tế thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ ngành lâm nghiệp. Khai thác nguồn tài chính chi trả từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải các bon.

b) Mở rộng hợp tác quốc tế thông qua các hội nghị, hội thảo, xúc tiến thương mại, các sự kiện chia sẻ kinh nghiệm trong khu vực.

5. Khái toán vốn và nguồn vốn

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, tổng nhu cầu vốn 816,98 tỷ đồng, bình quân mỗi năm khoảng 163,39 tỷ đồng, trong đó:

a) Các hoạt động trực tiếp làm giảm phát thải từ mất rừng, suy thoái rừng và gia tăng hấp thụ các bon rừng:

- Bảo vệ rừng 250,0 tỷ đồng, chủ yếu là từ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh, vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên) 515,17 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn Trung ương 195,0 tỷ đồng, vốn tự có của dân 274,17 tỷ đồng, lồng ghép với dự án JICA 2 tỉnh 46,0 tỷ đồng.

b) Các hoạt động gián tiếp giảm phát thải/hấp thụ các bon, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng:

- Hoạt động rà soát, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng 1,71 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách của tỉnh.

- Các hoạt động hỗ trợ sinh kế 2,1 tỷ đồng, nguồn vốn huy động từ các tổ chức quốc tế.

- Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho 2 chủ rừng 1,99 tỷ đồng, nguồn vốn huy động từ các tổ chức quốc tế.

- Hoạt động truyền thông về bảo vệ và quản lý rừng 121 triệu đồng, theo dõi diễn biến rừng 6,52 tỷ đồng được lồng ghép từ Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 và Dự án theo dõi diễn biến rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020.

- Hoạt động nâng cấp rừng giống 450 triệu đồng được trích từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh.

c) Vốn dự phòng 5% cho tất cả các hoạt động 38,90 tỷ đồng.

d) Các hoạt động quản lý vận hành, giám sát đánh giá, theo dõi thẩm định, báo cáo, các hoạt động này huy động từ nguồn vốn ODA của các Chương trình dự án REDD+ Bắc Trung Bộ.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực thực hiện kế hoạch hành động REDD+ của tỉnh, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, nâng cao năng lực về REDD+. Xây dựng, trình Ban Chỉ đạo ban hành kế hoạch và chương trình thực hiện hàng năm, thiết lập và hoàn thiện mức cơ sở;

- Ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc, hỗ trợ kỹ thuật cho UBND các huyện trong việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động REDD+ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền; Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá việc thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Ban chỉ đạo;

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm theo dõi diễn biến rừng hàng năm, chú trọng việc phối hợp cộng đồng để thực hiện việc giám sát rừng có sự tham gia.

- Tham mưu trình UBND tỉnh trong việc phối hợp với các cơ quan liên quan đàm phán quốc tế về REDD+ và thu hút kinh phí từ các chương trình, dự án, các tổ chức quốc tế tài trợ; lồng ghép vốn đầu tư để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện mục tiêu Kế hoạch hành động REDD+ của tỉnh.

6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch thực hiện hàng năm. Tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở những khu vực tham gia thực hiện kế hoạch hành động REDD+ để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển rừng.

6.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất kinh phí cho các hoạt động hàng năm thuộc các Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trình Chủ tịch UBND tỉnh giao vốn thực hiện; xây dựng cơ chế và chính sách quản lý tài chính trong quá trình thực hiện kế hoạch hành động REDD+ để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng.

6.4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường quản lý đất đai để thực hiện kế hoạch hoạt động REDD+; rà soát, tiếp tục triển khai công tác giao đất, giao rừng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh quản lý công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng theo quy định. Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực, tuyên truyền về hoạt động biến đổi khí hậu.

6.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với các ngành liên quan lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội vào phát triển lâm nghiệp theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng. Nghiên cứu, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu bình đẳng giới để thực hiện REDD+ và duy trì quản lý cơ sở dữ liệu này.

6.6. Các sở, ban, ngành liên quan khác: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và năng lực, huy động các nhân dân (đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số) tích cực tham gia vào các hoạt động REDD+; lồng ghép thực thi các hoạt động REDD+ vào các chương trình, dự án có liên quan đến người dân sống gần rừng.

6.7. Ủy ban nhân dân các huyện: Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động REDD+ theo đúng mục tiêu, tiến độ được phê duyệt. Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động liên quan vào hoạt động REDD+; Chỉ đạo chính quyền cấp xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch hành động REDD+; định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ và đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT.

6.8. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp: Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp, tùy theo chức năng và nhiệm vụ của mình, tích cực tham gia vào các hoạt động liên quan đến kế hoạch hành động REDD+ trên địa bàn tỉnh.

7. Giám sát, đánh giá và theo dõi, báo cáo và Thẩm định.

7.1. Nội dung giám sát và đánh giá và theo dõi, báo cáo và Thẩm định

a) Giám sát thực hiện các hoạt động REDD+, bao gồm:

- Chính sách và giải pháp hạn chế mất rừng và suy thoái rừng.
- Quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo các quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, giám sát các hoạt động lâm nghiệp đề xuất trong giảm thiểu mất rừng suy thoái rừng, phục hồi rừng và tăng cường trữ lượng rừng.

- Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về REDD+ trong cộng đồng, hộ gia đình, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng. Các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực kỹ thuật và quản lý trong tiếp cận REDD+; các hoạt động thí điểm REDD+.

- Các tổ chức tham gia giám sát: Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

b) Giám sát kết quả giảm phát thải, hấp thụ các bon:

- Giám sát các kết quả về các bon và phi các bon thông qua dữ liệu của hệ thống theo dõi diễn biến rừng.

- Các tổ chức tham gia giám sát: Sở Nông nghiệp và PTNT; tổ chức phi chính phủ, tư vấn đến từ các Viện nghiên cứu, Trường Đại học trong và ngoài nước.

c) Giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính REDD+:

- Việc giải ngân và thực hiện các giao dịch tài chính có liên quan đến thực hiện kế hoạch hành động REDD+

- Chia sẻ lợi ích từ nguồn REDD+ cho các đối tượng hưởng lợi, quan tâm đến cộng đồng địa phương, dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của Hội Phụ nữ các cấp trong việc giám sát quản lý tài chính, giải ngân và giám sát chia sẻ lợi ích, giải quyết khiếu nại.

- Việc quản lý sử dụng nguồn tài chính REDD+ tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng thông qua kiểm toán nội bộ, kiểm toán quốc tế và chế độ báo cáo tài chính.

- Các tổ chức tham gia giám sát: Sở Nông nghiệp và PTNT; tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cộng đồng và người dân.

d) Giám sát các nội dung khác:

Thường xuyên việc giám sát và đánh giá về các biện pháp đảm bảo an toàn (kể cả bình đẳng giới) và đưa ra khuyến nghị dựa trên khung kế hoạch giám sát và kết quả giám sát.

đ) Đánh giá thực hiện kế hoạch: Hàng năm.

7.2. Yêu cầu thực hiện giám sát, đánh giá:

- Phải minh bạch, rõ ràng và có thể kiểm chứng được.

- Có sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm: Các sở, cơ quan, ban ngành cấp tỉnh, cấp huyện; các tổ chức và người dân tham gia...

- Phải đảm bảo phù hợp với các khuyến khích về vấn đề đa lợi ích, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; tôn trọng quyền lợi và nguyện vọng của hộ dân và cộng đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

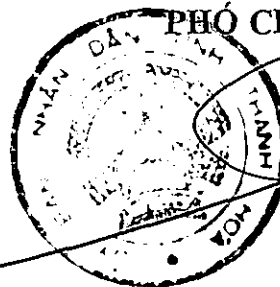
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện REDD+ tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương Binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện; Giám đốc Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ (để t/h);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ;
- Dự án FCPF-REDD+ tại Việt nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các thành viên BCĐ REDD+ tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

(L43)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU 01.

Danh sách các xã ưu tiên triển khai thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020.

(Kèm theo Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Huyện	Xã	Tổng
1	Mường Lát	Tam Chung, Tén Tằn, Mường Lý, Quang Chiêu, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Chanh, Trung Lý.	8
2	Quan Hóa	Phú Thanh, Trung Thành, Phú Lệ, Phú Sơn, Phú Xuân, Hiền Trung, Hiền Kiệt, Nam Tiến, Hối Xuân, Phú Nghiêm, Thanh Xuân, Trung Sơn, Thành Sơn, Thiên Phú, Nam Động.	15
3	Quan Sơn	Sơn Hà, Na Mèo, Sơn Điện, Trung Xuân, Trung Hạ, Mường Mìn, Tam Thanh, Tam Lư, Sơn Thủy, Trung Thượng, Trung Tiến.	11
4	Lang Chánh	Tam Văn, Đồng Lương, Giao An, Giao Thiện, Tân Phú, Yên Khương, Yên Thắng, Trí Nang, Lâm Phú, Quang Hiến.	10
5	Bá Thước	Điền Quang, Lương Trung, Lương Ngoại, Ái Thượng, Điền Thượng, Điền Lư, Hạ Trung, Lương Nội, Lũng Niêm, Ban Công, Kỳ Tân, Văn Nho, Thiết Ống, Lâm Xa, Tân Lộc, Thành Sơn, Lũng Cao, Cổ Lũng, Thành Lâm.	19
6	Ngọc Lặc	Mỹ Tân, Thạch Lập, Ngọc Khê, Quang Trung, Phụng Giáo, Minh Sơn, Ngọc Sơn.	7
7	Thường Xuân	Xuân Chinh, Xuân Cao, Luận Thành, Luận Khê, Xuân Thắng, Xuân Lộc, Xuân Lẻ, Yên Nhân, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Tân Thành, Xuân Cẩm.	13
8	Như Xuân	Cát Văn, Thanh Xuân, Thanh Hòa, Thanh Phong, Thanh Lâm, Thanh Sơn, Thượng Ninh, Xuân Bình, Hòa Quý, Tân Bình, Bình Lương, Xuân Hòa, Yên Lễ, Xuân Hòa.	14
9	Cầm Thủy	Cầm Long, Cầm Thành, Cầm Sơn, Cầm Châu, Cầm Quý, Cầm Lương, Cầm Giang, Cầm Tâm, Cầm Bình, Cầm Liên, Cầm Ngọc.	12
10	Thạch Thành	Thành Vân, Thành Tâm, Thành Mỹ, Thành Yên, Thạch Lâm.	5
11	Như Thanh	Xuân Thọ, Phượng Nghi, Mậu Lâm, Phúc Đường, Thanh Tân, Hải Long, Xuân Thái.	7
12	Nga Sơn	Nga Tân.	1
13	Hậu Lộc	Đa Lộc.	1
14	Thọ Xuân	Thọ Lâm, Xuân Phú.	2
Tổng			124



PHỤ BIỂU 02.

Danh mục các hoạt động triển khai Kế hoạch hành động REDD+ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020.

(Kèm theo Quyết định số: 1730 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

DVT: triệu đồng.

Hợp phần	Hoạt động	Hoạt động	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Hợp phần I: Quản lý rừng	Hoạt động 1	Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp	Tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT		2016	1.713,0	Huy động ODA và các chương trình, dự án.
	Hoạt động 2	Tổ chức khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	Huyện Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân..	Sở NN&PTNT	Các ban quản lý rừng	2016-2020	100.002,0	Quyết định 4364/UBND ngày 28/12/2011 về phê duyệt KHBVPTR; QĐ 57 QĐ-TTg ngày 9/1/2012 về phê duyệt kế hoạch BVPTTR gđ 2011-2020
	Hoạt động 3	Triển khai hoạt động về nâng cấp rừng giống cây bản địa	Huyện Cẩm Thủy	Sở NN&PTNT	Chi cục Lâm nghiệp	2016	450,0	Quyết định 4364/UBND ngày 28/12/2011 về phê duyệt KHBVPTR; QĐ 57 QĐ-TTg ngày 9/1/2012 phê duyệt kế hoạch BVPTTR gđ 2011-2020
	Hoạt động 4	Trồng rừng gỗ lớn					369.168,0	
		- Trồng rừng gỗ lớn sau khai thác trắng - Trồng rừng trên đất trống - Trồng rừng chuyển đổi (gỗ nhỏ sang gỗ lớn)	Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Như Xuân, Thường Xuân và Thọ Xuân	Sở NN&PTNT giao đầu mối cho Chi cục lâm nghiệp	Chủ rừng (Công ty, Ban quản lý rừng, hộ gia đình)	2016-2020	81.841,0 163.682,0 123.645,0	Quyết định 4364/UBND-NN ngày 28/12/2011 phê duyệt KHBVPTR; QĐ 57/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 về phê duyệt kế hoạch BVPTTR gđ 2011-2020. QĐ 359/UBND-NN ngày 28/1/2016 phê duyệt kế hoạch thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh

Hợp phần	Hoạt động	Hoạt động	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
	Hoạt động 5	Trồng rừng phòng hộ	Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Như Xuân, Thường Xuân và Thọ Xuân	Chủ rừng (công ty, Ban quản lý rừng)	Chủ rừng (công ty, Ban quản lý rừng)	2016-2020	46.001,0	Lồng ghép dự án JICA 2 tỉnh Thanh Hóa
	Hoạt động 6	Thực thi luật bảo vệ rừng tại các khu rừng phòng hộ; đặc dụng, khu vực có nguy cơ mất rừng, suy thoái rừng cao	Khu rừng đặc dụng, phòng hộ	Chủ rừng (công ty, lâm trường, ban quản lý rừng)	Chủ rừng (công ty, lâm trường, ban quản lý rừng)	2016-2020	250.000,0	NĐ 75-CP, QĐ 4364/UBND-NN ngày 28/12/2011 về phê duyệt KHBVPTR; QĐ 57/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 phê duyệt kế hoạch BVPTTR giai đoạn 2011-2020, QĐ 359/UBND-NN ngày 28/1/2016 phê duyệt kế hoạch thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh, Vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng
	Hoạt động 7	Triển khai xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ.	Công ty LN Lang Chánh, Cẩm Ngọc	Sở NN&PTNT	Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ.	2016; 2019	1.995,0	Huy động ODA và các chương trình, dự án.
	Hoạt động 8	Truyền thông vận động về bảo vệ và quản lý rừng	124 xã ưu tiên	Sở NN&PTNT giao đầu mối cho Chi cục kiểm lâm	Các hạt Kiểm lâm	2016-2020	121,0	Quyết định số: 5616/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 phê duyệt dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh giai đoạn 2016-2020

Hợp phần	Hoạt động	Hoạt động	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
	Hoạt động 9	Hệ thống theo dõi diễn biến rừng	Tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT giao đầu mối cho Chi cục kiểm lâm			6.527,0	
		- Điều tra, cập nhật hiện trạng, biến động rừng				2016-2020	6.461,0	Quyết định số 3468 UBND-NN ngày 11/9/2015 về việc phê duyệt dự án theo dõi DBR tỉnh giai đoạn 2016-2020
		- Đào tạo cho kiểm lâm 14 huyện về ứng dụng công nghệ thông tin cho giám sát rừng				2019	66,0	Quyết định số 3468 UBND-NN ngày 11/9/2015 phê duyệt dự án theo dõi DBR tỉnh g. đoạn 2016-2020
Hợp phần 2: Môi trường & Xã hội	Hoạt động 10	Phát triển lâm sản ngoài gỗ, tre luồng					1.799,0	
		- Điều tra hiện trạng, tiềm năng của Lâm sản ngoài gỗ tại 10 xã ưu tiên	các xã có diện tích rừng đặc dụng	Sở NN&PTNT	Chi cục Lâm nghiệp	2016	982,0	Huy động ODA và các chương trình, dự án.
		- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng,	14 huyện	Sở NN&PTNT	Trung tâm khuyến nông,	2016-2020	818,0	Huy động ODA và các chương trình, dự án.
	Hoạt động 11	Giảm sử dụng gỗ củi bằng phát triển bioga	Các xã điểm nóng suy thoái rừng, mất rừng	Sở NN&PTNT	UBND các huyện	2016-2020	300,0	Quyết định số 359/UBND-NN ngày 28/1/2016 phê duyệt kế hoạch thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh g. đoạn 2016-2020, định hướng 2030
Hợp phần 3: Quản lý	Hoạt động 12	Các hoạt động liên quan điều phối, vận hành PRAP	Tỉnh Thanh Hóa	Ban chỉ đạo REDD+/Sở NN&PTNT	Quỹ BV&PTR và PCTT tỉnh	2016-2020		
	Hoạt động 13	Giám sát, đánh giá	Tỉnh Thanh Hóa	Ban chỉ đạo REDD+/Sở NN&PTNT	Sở, ngành; UBND huyện; các Viên Trường Đại học...	2016-2020		Dự án "Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam" do Ngân hàng Thế giới tài trợ.

Hợp phần	Hoạt động	Hoạt động	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
	Hoạt động 14	Giải quyết cơ chế khiếu nại	Tỉnh Thanh Hóa	nt	nt	2016-2020		
	Hoạt động 15	Theo dõi, Báo cáo và Thẩm định (MRV)	Tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT	Tư vấn từ các tổ chức, các Viên Trường Đại học...	2016-2020		Dự án “Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam” do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ.
Tổng:							778.076,0	
Kinh phí dự phòng (5%)							38.904,0	
Tổng cộng							816.980,0	